TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12 – 7 - 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Chuộng

Ông Nguyễn Ngọc Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 275/2024/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Như H, sinh năm 2004; địa chỉ cư trú: Ấp PQ, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Trần Hoàng K, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Ấp NC, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Phạm Tự E, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Ấp PQ, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Ngân T, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Ấp NC, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Phạm Như H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh K chung sống trên tinh thần tự nguyện vào năm 2021, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung thời gian đầu sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng

quan điểm, anh K nghe lời mẹ chồng, không quan tâm vợ. Gia đình hai bên có hàn gắn, nhưng không thành. Nay chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị với anh K là vợ chồng.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Anh Trần Hoàng K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng chung sống không hợp. Nay anh đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Như H khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân với anh Trần Hoàng K là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị H, anh K, anh Tự E, chị T có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh K, anh Tự E, chị T.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2021, chị H và anh K chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị H với anh K không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về con chung: Không có.

[5] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị H và anh K xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về án phí dân sự: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Như H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Như H với anh Trần Hoàng K là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự: Chị Phạm Như H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.000 đồng theo biên lai số 0001380 ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Phạm Như H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 2.825.000 đồng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh